

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/DS -ST

Ngày: 19-09-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Bà Lê Thị Hoàng Liễu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ, thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 09 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 190/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 04 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, căn cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2018/QĐXXST-DS ngày 01/08/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2018/QĐST-DS, ngày 29 tháng 08 năm 2018, tranh chấp giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hồng Q; sinh năm 1957; cư trú tại số 49 đường N, phường A, Q B, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông Q vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hồng Q có bà Phạm Bùi Diễm S, sinh năm 1995, cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh TN, địa chỉ liên lạc số E 8/3 đường TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 03 năm 2018 do Văn phòng công chứng An Lạc Thành phố Hồ Chí Minh lập)

(Bà S có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Phan Dũng T; sinh năm 1959.

Bà Nguyễn Kim Đ; sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: F5A/72, Ấp S, xã H, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T, bà Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q và người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Bùi Diễm S trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày như sau:*** Vào khoảng năm

1980, ông Nguyễn Hồng Q là họa sỹ về công tác tại Đoàn Văn Công Đồng Tháp, ông Q họa sỹ làm vẽ tranh làm phong cảnh cho đoàn nên có quen biết với ông Phan Dũng T, Ông T là nhạc công chơi đàn Organ của đoàn, trong thời gian này ông Q và ông T chơi với nhau rất thân tình. Sau đó một thời gian dài không gặp nhau, đến năm 2010 ông Q và ông T gặp lại nhau thì biết ông T đã lập gia đình có vợ là bà Nguyễn Kim Đ, hiện có nhà sống tại xã H, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh nên ông Q và ông T bà Đ thường xuyên liên lạc nhau, đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng ông T bà Đ đặt vấn đề mượn tiền và vàng của ông Q để làm ăn kinh doanh, vì vậy ông Q rất tin tưởng vợ chồng ông T bà Đ cần vốn làm ăn nên ông đã cho mượn nhiều lần, mỗi khi cho mượn ông điều viết giấy mượn và lần mượn sau thì cộng dồn viết lại giấy mượn mới bỏ giấy mượn cũ, sau đó một thời gian ông thấy vợ chồng có dấu hiệu lừa không muốn trả tiền lại cho ông nên ông không cho mượn nữa và yêu cầu trả lại tiền vàng đã mượn thì đến ngày 02 tháng 01 năm 2017 vợ chồng ông Phan Dũng T bà Nguyễn Kim Đ và ông tổng kết viết giấy nợ tổng cộng là 55 (năm mươi lăm), lượng vàng SJC và số tiền mặt là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), vợ chồng ông T bà Đ cam kết trả lại toàn bộ số nợ cho ông Q vào ngày 30 tháng 01 năm 2018, tuy nhiên sau đó vợ chồng ông T bà Đ luôn tìm cách lánh mặt không trả.

- Nay ông Nguyễn Hồng Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ phải trả lại bà số tiền vốn tổng cộng là 55 (năm mươi lăm), lượng vàng SJC và số tiền mặt là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông tự nguyện không yêu cầu trả lãi.

* *Bị đơn* : Ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và đã thực hiện việc tổng đạt giấy triệu tập bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án theo quy định vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc T hành các thủ tục niêm yết để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

- *Tại phiên tòa hôm nay* : Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q có người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Bùi Diễm S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu vợ chồng ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ phải trả lại bà số tiền vốn tổng cộng là 55 (năm mươi lăm), lượng vàng SJC và số tiền mặt là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), việc trả vàng thì quy thành tiền theo thời giá hiện nay, về thời gian trả, là yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại phiên tòa hôm nay* ; Bị đơn vợ chồng ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ vắng mặt không lý do. Xét thấy tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu ý kiến:

- Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân huyện BC trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về những nội dung cụ thể sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: 1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải

quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015; Xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Việc xác định, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý vụ án : Ngày 20/04/2018, Tòa án nhân dân huyện **BC**, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án dân sự sơ thẩm số 190/ 2018/ TLST-DS và gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng theo quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 01/08/2018 Tòa án nhân dân huyện **BC** ban hành quyết định 316/2018/ QĐST-DS đưa ra xét xử là phù hợp Điều 203 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 256, 257, 259, 260 và 263 của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 236, Điều 237, Điều 239 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với đương sự : Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án : Căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp do Tòa án **T** hành thu thập và trên cơ sở yêu cầu của đương sự thì có cơ sở xác định : Căn cứ vào giấy biên nhận vay mượn tiền và vàng ngày 02/10/2017 giữa ông Phan Dũng **T**, bà Nguyễn Kim **Đ** với ông Nguyễn Hồng **Q** có nội dung Nhiều lần kể từ ngày 08/8/2014 cho đến nay tổng cộng số vàng và tiền đã mượn là 55 lượng vàng SJC số tiền là 650.000.000 đồng và cam kết đến ngày 30/01/2018 sẽ trả dưới biên nhận này ông **T** và bà **Đ** ký nhận và điểm chỉ ghi nội dung tôi đã nhận đủ tiền và vàng. Điều 471 Hợp đồng vay tài sản như sau “ Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng lãi suất nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định ”. Theo giấy biên nhận tiền và vàng thì có đủ cơ sở xác định ông **T** bà **Đ** có mượn tiền và vàng của ông **Q** cụ thể là 55 lượng vàng SJC và 650.000.000 đồng, phía bị đơn ông **T** bà **Đ** không đến Tòa theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến phản bác hoặc đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 9 của BLTTDS năm 2015 nên ông **T** bà **Đ** phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ theo quy định vì vậy lấy yêu cầu khởi kiện của ông **Q** làm căn cứ giải quyết vụ kiện nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Q**. Bỏ các lẽ trên; Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015.

Từ những cơ sở nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng **Q** về việc yêu cầu ông Phan Dũng **T** và bà

Nguyễn Kim **Đ** trả số tiền là 650.000 đồng và 55 lượng vàng SJC quy đổi thành tiền Việt nam đồng tại thời điểm xét xử. Về án phí ông **T** bà **Đ** phải nộp.

-Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn vợ chồng ông Phan Dũng **T** bà Nguyễn Kim **Đ** hiện đang cư trú tại địa chỉ F5A/72, **Ấp S**, xã **H**, huyện **BC**, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **BC**, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét thấy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là về “ Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản ” vào thời điểm năm 2014 đến năm 2017 thì hai bên ký xác lập lại Giấy biên nhận vay mượn tiền và vàng ngày 02 tháng 10 năm 2017. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tại Điều 688 quy định: “ 1.Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 (Bộ luật Dân sự 2005) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết”. Do đó vẫn phải áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định của pháp luật hiện hành làm căn cứ giải quyết vụ án án.

- Xét việc vắng mặt bị đơn ông Phan Dũng **T** và bà Nguyễn Kim **Đ**, Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn ông **T** bà **Đ** đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải và kèm theo là tổng đạt giấy triệu tập đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định nhưng ông **T** bà **Đ** vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập để tham gia giải quyết vụ án vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc **T** hành nênm yết theo thủ tục xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 177, 181, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét về nội dung yêu cầu:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phan Dũng **T** bà Nguyễn Kim **Đ** phải trả lại tiền và vàng còn nợ tổng cộng là 55 (năm mươi lăm), lượng vàng SJC và số tiền mặt là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), Là có cơ sở chấp nhận. Bồi lẽ.

- Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q cung cấp là “*Giấy Biên nhận (V/v vay & mượn tiền & vàng) có chữ ký lẫn tay của vợ chồng ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ*”; Hội đồng xét xử nhận thấy;

Xét về nội dung thể hiện : Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2017, tại nhà số 49 đường N, khu phố 6, phường A, Q B, hai vợ chồng tôi là Phan Dũng T và Nguyễn Kim Đ cư trú tại F5A/72, Ấp S, xã H, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng chúng tôi bằng giấy Biên nhận này xác nhận có vay, mượn của anh: Nguyễn Hồng Q; nhiều lần kể từ ngày 08 tháng 08 năm 2014 cho đến nay. Tổng cộng số vàng và tiền đã vay mượn là 55 lượng vàng SJC (năm mươi lăm lượng vàng SJC) và tiền là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng)....Vợ chồng chúng tôi sẽ trả lại số vàng và tiền này vào ngày 30 tháng 01 năm 2018. ”; Như vậy, về giao dịch giữa hai bên là giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp; Về hình thức khi vay mượn hai bên có lập văn bản có đủ chữ ký xác nhận và lẫn dấu vân tay của bên vay mượn là ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ; Về nội dung có ghi nhận việc ông Nguyễn Hồng Q đã có cho vợ chồng Phan Dũng T và Nguyễn Kim Đ, vay mượn tổng cộng số vàng và tiền đã vay mượn là 55 lượng vàng SJC (năm mươi lăm lượng vàng SJC) và tiền là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “ Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng lãi suất nếu có...”. sau khi vay mượn vợ chồng ông T bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại”: Do đó việc nguyên đơn khởi kiện là căn cứ phù hợp những nội dung quy định tại các Điều 121, 122, 124 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn vợ chồng ông Phan Dũng T bà Nguyễn Kim Đ trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn ông T bà Đ vẫn không đến để trình bày ý kiến, mặc khác căn cứ vào kết quả xác minh của Công an xã H, huyện BC ngày 24/05/2018 thì hiện nay vợ chồng ông Phan Dũng T bà Nguyễn Kim Đ vẫn đang cư trú tại địa phương, theo địa chỉ cư trú là F5A/72, Ấp S, xã H, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh như vậy đủ cơ sở kết luận ông T bà Đ không thiện chí hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật là phù hợp.

- Xét, tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Bùi Diễm S của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q yêu cầu bị đơn ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ phải trả số nợ vàng là 55 lượng vàng SJC (năm mươi lăm lượng vàng SJC) quy đổi thành tiền theo thời giá hiện nay. Căn cứ giá vàng ngày SJC ngày 19 tháng 09 năm 2018, ngày xét xử sơ thẩm có giá mua vào 1 lượng (10 chỉ) là 34.320.000 đồng /1 lượng (10 chỉ); nên số vàng nợ là 55 lượng x giá vàng là 34.320.000 đồng = thành tiền là 1.887.600.000 đồng + số nợ tiền là 650.000.000 đồng = tổng cộng là 2.537.600.000 đồng (hai tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng). Như vậy tổng số tiền mà vợ chồng ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Hồng Q là 2.537.600.000 đồng (hai tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Xét yêu cầu trả ngay số nợ của nguyên đơn : Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Bùi Diễm S của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Q yêu cầu bị đơn ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ phải trả số nợ này ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét số nợ đã lâu nhưng phía bị đơn chưa có thiện chí trả nợ nên phần nào gây khó khăn cho nguyên đơn vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền này một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] . Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Phan Dũng T bà Nguyễn Kim Đ phải nộp án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả là: 72.000.000 đồng + 2% [(2.537.600.000 đồng - 2.000.000.000 đồng)] = 82.752.000 đồng (tám mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Nguyên đơn xét thấy ông Nguyễn Hồng Q không phải nộp án phí.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

-Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Hồng Q là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 170, 171, 172, 173, 174, 177, 181, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 121, 122, 124, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào các Điều 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Q về việc yêu cầu vợ chồng ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ phải trả lại số nợ là 55 lượng vàng SJC, quy đổi thành tiền là 1.887.600.000 đồng và số tiền nợ là 650.000.000 đồng, tổng cộng thành tiền nợ là 2.537.600.000 đồng (hai tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Hồng Q.

2. Buộc vợ chồng ông Phan Dũng T và bà Nguyễn Kim Đ phải trả số tiền là 2.537.600.000 đồng (hai tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng). Cho ông Nguyễn Hồng Q.

3. Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

4. Hủy Giấy Biên nhận (V/v vay & nưộn tiền & vàng) ngày 02 tháng 10 năm 2017 và các văn bản trên có liên quan đến khoản nợ trên mà hai bên ký xác lập.

5.Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Dũng T bà Nguyễn Kim Đ phải nộp án phí là 82.752.000 đồng (tám mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Nguyên đơn xét thấy ông Nguyễn Hồng Q không phải nộp án phí.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9.Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

Lại Phước Trường